

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/01/2023.

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-HPT ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lại Đức M. Sinh năm 1982.

Địa chỉ: 453/77E14 LVS, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N. Sinh năm 1983.

Địa chỉ: 453/77E14 LVS, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông M có mặt; bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lại Đức M và bà Nguyễn Thị Kim N có tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2008. Quá trình sống chung, ông bà có 02 con chung là trẻ Lại Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/6/2009 và trẻ Lại Nguyễn Minh T, sinh ngày 16/3/2014.

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lại Đức M trình bày:

Thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N không còn tình cảm với ông M nữa. Sau đó thì bà N bỏ nhà đi từ tháng 05/2022 nên vợ chồng ly thân từ thời điểm đó đến nay. Từ lúc bỏ đi cho đến nay, bà N không có liên lạc gì với ông M, chứng tỏ bà N không còn tình cảm với ông M nên ông M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để sớm ổn định được cuộc sống.

- Về con chung: ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bà N không tham gia tố tụng trong vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không tiến hành hòa giải được vì bà N không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

- Bà N vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; ông M đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bà N không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông M vì có cơ sở; bà N không có lời khai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét ông M và bà N có tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2008. Nay ông M có yêu cầu ly hôn với bà N là thuộc trường hợp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bà N trú tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với bà N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vẫn có tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đối với bà N để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà N vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của ông M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về yêu cầu ly hôn:

Căn cứ vào lời khai của ông M và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: ông M và bà N có tự nguyện đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn vào năm 2019. Nguyên nhân do bà N không còn tình cảm với ông M. Hai bên đã ly thân từ đó đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và không ai quan tâm ai.

Xét ông M, bà N đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã triệu tập bà N tham gia phiên hòa giải mâu thuẫn gia đình nhưng bà N không tham gia phiên hòa giải thể hiện bà N không còn tha thiết với cuộc sống chung nữa. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông M và bà N đã trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của ông M có căn cứ nên được chấp nhận.

2. Về con chung: do bà N không tham gia tố tụng tại Tòa án, và thực tế hiện 02 con chung đang sống cùng ông M nên xét giao 02 con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà N được quyền thăm nom con và có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung: ông M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Như đã phân tích, xét yêu cầu của ông M và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận; xét bà N không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lại Đức M:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Lại Đức M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N.

2. Về con chung: giao trẻ Lại Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/6/2009 và trẻ Lại Nguyễn Minh T, sinh ngày 16/3/2014 cho ông Lại Đức M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lại Đức M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim N được quyền thăm nom con và có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Lại Đức M phải nộp toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0007112 ngày 07/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Ông Lại Đức M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

- Ông Lại Đức M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bà Nguyễn Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- UBND P.12 Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Tuấn